**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CẨM THUỶ**
**TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2024/QĐST- D1, *ngày 21 tháng 8 năm 2024*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/2024/TB-TA ngày 23 tháng 7 năm 2024.

## XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V (V1).

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tất Đ – Chuyên viên xử lý nợ.

(Theo văn bản ủy quyền số 1505/2024/UQ-KHCN ngày 15/5/2024 của Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng cá nhân Miền B - Ngân hàng V1).

Bị đơn: Bà Tống Thị N, sinh năm 1984 và anh Trương Minh T, sinh năm 1981

Đều trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, Thanh Hóa.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Tống Thị N và ông Trương Minh T còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) tính đến ngày 13/8/2024: Nợ gốc quá hạn: 1.631.244.526đ; Nợ lãi quá hạn: 338.813.042đ; Nợ thẻ tín dụng: 13.059.807đ. Tổng cộng cả gốc và lãi: 1.983.117.375đ (Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu một trăm mười bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) theo các Hợp đồng tín dụng mà bà N1 và ông T đã ký với ngân hàng V1.

Trường hợp bà N và ông T không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ

thì Ngân hàng Thương Mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thi hành kê biên phát mại toàn bộ tài sản bà N và ông T đã thế chấp cho Ngân hàng V1 để đảm bảo thi hành án:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 773, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, tại địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 939717, số vào sổ cấp GCN: H02671 do UBND huyện C cấp ngày 08/03/2018 theo Hợp đồng thế chấp LN2102013364759 ngày 04/02/2021.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng V1, bà N và ông T có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn lại cho Ngân hàng đến khi thanh lý hợp đồng.

Kể từ ngày 14/8/2024, bà N và ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí**:** Áp dụng khoản 3 điều 147 – BLTTDS, điểm b khoản 1 điều 24, khoản 6 điều 19 và khoản 7 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bên thỏa thuận bà Tống Thị N và ông Trương Minh T phải chịu cả án phí DSST là 35.746.761đ. Trả lại cho Ngân hàng V1 tiền tạm nộp tạm ứng án phí 33.738.000đ theo biên lai thu số BLTU/2024/0002589 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- Đương sự
- VKSND Cẩm thuỷ
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Ánh Tuyết**